

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/HS-ST

Ngày: 22 - 8 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lý Ngọc Mạnh.

2/ Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 130/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đỗ Hoàng D (tên gọi khác: Hiếu); giới tính: Nam; sinh năm: 1990; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: 51/1B Đường X, Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Ngọc B và bà Đỗ Thị Ngọc P; sống chung với Phạm Thị Cát T (không đăng ký kết hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; sau đó sống chung với Trần Thị Ngọc H (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 14/3/2013.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến nay. (có mặt)

2. Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác: Ngọc); giới tính: Nữ; sinh năm: 1983; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 12/1 Đường G, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 5/12; con ông Trần Văn B1 và bà Lê Thị B2; có chồng Lý Hòa H1 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2017; sau đó sống chung với Nguyễn Đỗ Hoàng D (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Võ Thanh S; giới tính: Nam; sinh năm 1994; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 34 TTK, Phường F, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 27 đường Y, phường BHH, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 8/12; con ông Võ Văn T1 và bà Phạm Thị A.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 25/4/2017 Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 23/7/2018 chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 10/12/2010 Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 08 tháng 12 ngày, về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong bản án năm 2013.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/4/2019 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại*: Chị Dương Kim P1; sinh năm: 1969; nơi cư trú: 13E Đường HP, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Anh Nguyễn Minh T1; sinh năm: 1988; nơi cư trú: 238/12D Liên Tỉnh 5, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Chị Dương Thùy N; sinh năm: 1964; nơi cư trú: Ấp ST, xã ST, huyện K, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3/ Chị Phạm Thị Cát T3; sinh năm: 1991; nơi cư trú: 426/9/1 đường L, Phường M, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đỗ Hoàng D và Trần Thị Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng, Võ Thanh S là bạn của D và H. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/4/2019, D điều khiển xe gắn máy biển số 59V1-239.41 chở H đi tìm tài sản của người khác để sơ hở thì chiếm đoạt mang bán lấy tiền tiêu xài. Khi cả hai đi ngang qua nhà của chị Dương Kim P1 ở số 13E Đường Hưng Phú, Phường 9, Quận 8 thì thấy nhà không khóa cửa, bên trong nhà có dựng 02 xe gắn máy biển số 59L2-790.23 và 54L7-1136 nên H đứng ngoài giữ xe đồng thời làm nhiệm vụ canh giới, D lén lút đi vào trong nhà chị P1 chiếm đoạt xe gắn máy biển số 59L2-790.23 rồi cả hai mang xe đến gửi tại bãi xe Trạm y tế Phường 12, Quận 8. D và H tiếp tục quay lại nhà chị P1 chiếm đoạt xe gắn máy biển số 54L7-1136. Chiếm đoạt được tài sản, H điện thoại cho Võ Thanh S nói vừa trộm cắp được 02 xe gắn máy và muốn bán cho S. S đồng ý mua và hẹn gặp nhau tại trước nhà số 233 đường Đặng Nguyên Cẩn, Phường 14, Quận 6 để giao dịch mua bán. Đến nơi thì S chỉ đồng ý mua xe biển số 59L2-790.23 với giá 10.000.000 đồng, D và H đồng ý bán. Sau khi mua xe biển số 59L2-790.23 của D và H, S đã bán lại cho một người thanh niên tên Tanh (không rõ lai lịch) với giá 12.000.000 đồng. Riêng chiếc xe gắn máy biển số 54L7-1136, D và H bán cho một người thanh niên tên Hiền (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng. Phát hiện bị mất tài sản, ngày 10/4/2019 chị Dương Kim P1 đến Công an Phường 9, Quận 8 trình báo. Qua trích xuất Camera xác định D và H thực hiện hành vi phạm tội nên vào lúc 06 giờ ngày 14/4/2019, khi phát hiện D và H đang điều khiển xe gắn máy biển số 59L2-147.71 tại giao lộ đường Tuy Lý Vương và đường Nguyễn Chế Nghĩa, Phường 13, Quận 8, trinh sát đội cảnh sát hình sự Công an Quận 8 mời cả hai về trụ sở để làm việc. Từ lời khai của D và H, qua truy xét Công an Quận 8 phát hiện S tại khu vực đường Lê Văn Quới, quận Bình Tân nên mời về trụ sở để điều tra làm rõ.

Ngày 25/4/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá tài sản, xác định giá trị còn lại thực tế của chiếc xe gắn máy biển số 59L2-790.23 là 32.940.000 đồng; xe gắn máy biển số 54L7-1136 là 5.250.000 đồng. Bị hại yêu cầu D và H liên đới bồi thường 40.000.000 đồng.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng:

01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh của vụ án trộm cắp tài sản.

Xe gắn máy biển số 59V1-239.41 do bà Nguyễn Thị Phi N1 đứng tên chủ sở hữu. Hiện bà N1 đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2014. Chị Phạm Thị Cát T3 khai, vào đầu năm 2019 chị T3 mua xe gắn máy biển số 59V1-239.41 của một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000 đồng. Đến ngày 06/4/2019 chị T3 cho D mượn xe gắn máy trên làm phương tiện đi công

việc, chị T3 không biết D dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe nhưng đến nay chưa có ai liên hệ làm việc.

Xe gắn máy biển số 60T3-9260 do chị Dương Thùy N đứng tên chủ sở hữu và bị mất trộm vào ngày 06/4/2019 tại trước số 102/65/8A đường Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp. Qua giám định số khung và số máy xe mang biển số 60T3-9260 đã bị mài không xác định được số nguyên thủy. Chị N cho biết biển số xe là biển số xe của chị, chị không yêu cầu nhận lại, còn chiếc xe bị mài số khung, số máy không phải là chiếc xe của chị. Võ Thanh S khai xe gắn máy biển số 60T3-9260 S mượn của một người thanh niên tên Hậu (không rõ lai lịch) vào ngày 13/4/2019 để đi công việc.

Xe gắn máy biển số 59L2-147.71 do Nguyễn Đỗ Hoàng D đứng tên chủ sở hữu, qua điều tra xác định không liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 01/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Đỗ Hoàng D và Trần Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Võ Thanh S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D, Trần Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Võ Thanh S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D từ 15 tháng đến 18 tháng tù theo khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Trần Thị Ngọc H từ 06 tháng đến 09 tháng tù theo khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Võ Thanh S từ 12 tháng đến 15 tháng tù theo khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc các bị cáo D, H liên đới bồi thường cho bị hại.

Miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh của vụ án trộm cắp tài sản; 01 biển số xe số 60T3-9260

Tịch thu, nộp ngân sách: 01 xe gắn máy đã bị mài số khung, số máy (không xác định được số nguyên thủy)

Thông báo tìm kiếm chủ sở hữu xe gắn máy biển số 59V1-239.41 trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D 01 xe gắn máy biển số 59L2-147.71.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, ngày 07/4/2019, Nguyễn Đỗ Hoàng D và Trần Thị Ngọc H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 xe gắn máy biển số 59L2 - 790.23, trị giá 32.940.000 đồng và biển số 54L7-1136, trị giá 5.250.000 đồng của chị Dương Kim P1, tại nhà số 13E Đường HP, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo D và H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét thấy, Võ Thanh S biết chiếc xe gắn máy biển số 59L2-790.23 do Trần Thị Ngọc H, Nguyễn Đỗ Hoàng D trộm cắp mà vẫn mua. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo S đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét thấy, hành vi của bị cáo D và H là có đồng phạm nhưng chỉ mang tính gián đơn, nhất thời, không có tổ chức.

[5] Xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo

H mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo H theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Xét thấy, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với người thanh niên tên Thanh mua xe gắn máy biển số 59L2-790.23 của S, người thanh niên tên H mua xe gắn máy biển số 54L7-1136 của D, H và người thanh niên tên H cho H mượn xe gắn máy biển số 60T3-9260. Do không xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không có đủ căn cứ để xử lý nên không đề cập giải quyết.

[8] Bị cáo H mua xe của Hoa giá 10.000.000 đồng, bán lại 12.000.000 đồng. H thu lợi bất chính 2.000.000 đồng nên buộc H nộp lại số tiền này theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng. Các bị cáo D và H đồng ý bồi thường số tiền này. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo D, H liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng (trong đó phần bồi thường của mỗi bị cáo là 20.000.000 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về vật chứng vụ án:

[10.1] 01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh của vụ án trộm cắp tài sản không còn giá trị sử dụng, 01 biển số xe số 60T3-9260 của chị Dương Thùy N, chị N không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10.2] 01 xe gắn máy đã bị mài số khung, số máy (không xác định được số nguyên thủy) thu giữ của S là vật không rõ nguồn gốc nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10.3] 01 xe gắn máy biển số 59V1-239.41 do chị Nguyễn Thị Phi N1 đứng tên, hiện chị N1 không rõ ở đâu. Chị Phạm Thị Cát T3 mua chiếc xe trên của một thanh niên không rõ lai lịch nên chiếc xe không rõ chủ sở hữu. Các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên giao chiếc xe trên cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10.4] 01 xe gắn máy biển số 59L2-147.71 do bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D đứng tên, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo D theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo Duy và Hoa liên đới nộp 2.000.000 đồng (trong đó phần của mỗi bị cáo nộp là 1.000.000 đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D, Trần Thị Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Võ Thanh S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thanh S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2019.

Về thu lợi bất chính: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Võ Thanh S nộp số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 589 Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D, Trần Thị Ngọc H liên đới bồi thường cho chị Dương Kim P1 số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng (trong đó phần mỗi bị cáo bồi thường là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng), bồi thường ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Dương Kim P1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, các bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D, Trần Thị Ngọc Hoa còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) USB màu trắng, xanh nắp màu trắng có thẻ nhớ màu đen 16GB; 01 (một) biển số 60T3-9260.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe gắn máy hiệu Sirius (số máy, số khung bị mài sâu, không xác định được số nguyên thủy).

Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu 01 (một) xe gắn máy hiệu Attila, biển số 59V1-239.41, số máy: T3BD-030382, số khung DAD-030382, trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn, không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D 01 (một) xe gắn máy hiệu Wave anpha, biển số 59L2-147.71, số máy: HC12E5747795, số khung: RLHHC1214DY747694.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 171/PNK ngày 11/6/2019 của Công an Quận 8.)

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Đỗ Hoàng D và Trần Thị Ngọc H liên đới nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng (trong đó phần của mỗi bị cáo nộp là 1.000.000 (một triệu) đồng)

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận 8; (2)
- Chi cục THADS Quận 8; (1)
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS (PC.53); (1)
- Cơ quan điều tra Quận 8 (Đội ĐTTH); (1)
- Thi hành án hình sự; (10)
- Bị cáo; (3)
- Những người tham gia tố tụng khác; (4)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (27)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp